

LƯU NVA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 41

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư CMC (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư CMC là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103009571 ngày 14 tháng 10 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty là buôn bán máy móc thiết bị và cho thuê kho bãi.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Ngô Trọng Quang	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ ngày 05 tháng 5 năm 2025
Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đến ngày 05 tháng 5 năm 2025
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị	Từ ngày 05 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên	
Ông Ngô Trọng Quang	Ủy viên	Đến ngày 05 tháng 5 năm 2025
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên	
Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên	

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Tuyết Quỳnh	Trưởng ban
Ông Đặng Phan Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huế	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ngô Anh Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Hà	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này

Ông Ngô Trọng Quang	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Ngô Anh Phương	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tổng Giám đốc



Ngô Anh Phương

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Số: 20.06.1.1/25/BCSX/NVA.CNHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư CMC, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có bất kỳ sự kiện nào khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CMC tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư CMC cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và kỳ kế toán 06 tháng đầu năm kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 24 tháng 3 năm 2025 và kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 13 tháng 8 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA



Nguyễn Hải Linh

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.288.554.649	112.194.627.891
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		401.876.906	1.166.547.699
1. Tiền	111	V.1	401.876.906	1.166.547.699
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	32.360.554.555	26.039.851.857
1. Chứng khoán kinh doanh	121		34.906.260.994	33.830.192.894
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.545.706.439)	(7.790.341.037)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		13.669.156.851	21.357.695.462
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.963.030.000	7.907.827.600
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	10.597.718.700	13.240.450.380
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.000.000.000	2.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	608.408.151	709.417.482
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	62.708.344.639	62.787.750.039
1. Hàng tồn kho	141		64.781.344.639	65.379.670.039
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.073.000.000)	(2.591.920.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.148.621.698	842.782.834
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	67.200.000	64.145.454
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.081.421.698	778.637.380
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.509.150.477	46.850.608.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.371.446.340	6.816.737.792
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	6.371.446.340	6.816.737.792
- Nguyên giá	222		13.927.013.421	13.927.013.421
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.555.567.081)	(7.110.275.629)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	39.522.880.600	39.522.880.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.522.880.600	39.522.880.600
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.300.000.000	3.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		614.823.537	510.990.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	614.823.537	510.990.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		156.797.705.126	159.045.236.283

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.431.557.588	98.204.824.705
I. Nợ ngắn hạn	310		94.047.105.737	97.686.656.804
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	234.785.247	288.552.593
4. Phải trả người lao động	314		152.240.000	138.971.128
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	20.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.168.952.050	811.284.099
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.326.404.388	1.180.707.962
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	90.849.538.615	94.931.955.585
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		315.185.437	315.185.437
II. Nợ dài hạn	330		384.451.852	518.167.901
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	204.451.852	212.167.901
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	180.000.000	180.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	-	126.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		62.366.147.538	60.840.411.578
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	62.366.147.538	60.840.411.578
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.610.500.000	45.610.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.610.500.000	45.610.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.100.000	2.100.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.211.921.095	9.211.921.095
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		93.928.484	93.928.484
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.447.697.959	5.921.961.999
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.921.961.999	5.775.876.743
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.525.735.960	146.085.256
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		156.797.705.126	159.045.236.283

Người lập biểu

Nguyễn Ánh Hồng

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Hà



Tổng Giám đốc

Ngô Anh Phương

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	44.124.415.944	34.153.650.519
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.124.415.944	34.153.650.519
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.187.480.408	28.792.481.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.936.935.536	5.361.168.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.455.687.331	1.845.335.820
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	347.241.899	1.628.590.644
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.792.155.932	2.023.476.532
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	184.767.158	219.862.868
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	2.077.617.873	1.847.981.545
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.782.995.937	3.510.069.359
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.5	6.079.200	57.872.446
13. Lợi nhuận khác	40		(6.079.200)	(57.872.446)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.776.916.737	3.452.196.913
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	251.180.777	558.729.820
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.525.735.960	2.893.467.093
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	335	634
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.10	335	634

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ánh Hồng

Nguyễn Trọng Hà

Ngô Anh Phương

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		61.564.370.200	37.694.835.542
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52.339.167.567)	(47.075.839.498)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(919.685.532)	(837.673.794)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.654.903.266)	(868.368.028)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(304.948.123)	(195.863.809)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		106.087.277	3.446.720.958
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.458.616.197)	(3.934.578.323)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.993.136.792	(11.770.766.952)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.450.609.385	1.284.358.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.450.609.385	1.284.358.720

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		41.985.197.113	39.985.417.392
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(46.193.614.083)	(28.918.758.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.208.416.970)	11.066.659.392
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(764.670.793)	580.251.160
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.166.547.699	436.044.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	401.876.906	1.016.295.525

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Ánh Hồng

Nguyễn Trọng Hà

Ngô Anh Phương

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư CMC là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103009571 ngày 14 tháng 10 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là buôn bán máy móc thiết bị và cho thuê kho bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong kỳ

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 21 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 20 người).

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên công ty con	Ngành nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tín hiệu Đường Sắt	Xây dựng, lắp đặt các công trình viễn thông, thông tin. Cho thuê nhà xưởng	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	Khảo sát, đo đạc bản đồ địa hình, địa chính	47,16%	47,16%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán (cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán...) được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được Công ty ghi nhận từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập là phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay

Các khoản cho vay được ghi nhận là số hiện có của các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	10	10
Phương tiện vận tải	10	10

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp và hoàn thành trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, ...

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ hợp nhất lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	80.323.227	154.615.147
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	321.553.679	1.011.932.552
Cộng	401.876.906	1.166.547.699

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết	2.263.994	31.304.589.904	37.226.218.800	(877.811.349)	1.962.240	29.476.036.804	28.629.961.000	(5.823.153.324)
Công ty Cổ phần Than Cao Sơn (CST)	172.500	3.025.009.240	2.708.250.000	(316.759.240)	172.500	3.038.959.240	4.209.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ALPHA SEVEN (DL1)	22.750	232.010.000	195.650.000	(36.360.000)	22.750	232.010.000	116.025.000	(115.985.000)
Công Ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh (QST)	69.980	972.125.700	1.805.484.000	-	69.980	982.125.700	1.434.590.000	-
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông (ADC)	690	11.740.600	13.386.000	-	690	11.740.600	14.490.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (STC)	3.000	51.300.000	48.900.000	(2.400.000)	3.000	51.300.000	51.000.000	(300.000)
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	1.106.500	9.389.611.200	12.392.800.000	-	1.106.500	9.389.611.200	12.060.850.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (SED)	307.600	6.676.237.310	7.628.480.000	-	139.800	2.708.639.050	3.229.380.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1 (HU1)	19.700	258.826.800	118.200.000	(140.626.800)	19.700	258.826.800	108.350.000	(150.476.800)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va (NVL)	33.000	366.666.300	499.950.000	-				-
Công ty Cổ phần LIZEN (LCG)	160	1.795.524	1.508.800	(286.724)	160	1.795.524	1.656.000	(139.524)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland (EVG)	77.000	839.270.000	472.010.000	(367.260.000)	77.000	839.270.000	479.710.000	(359.560.000)
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (SRC)	60	1.026.690	1.560.000	-	60	1.026.690	1.470.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	438.050	9.426.501.955	11.301.690.000	-	39.000	820.950.000	978.900.000	-

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
(MBB)								
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (GEX)	-	-	-	-	310.000	11.117.692.000	5.921.000.000	(5.196.692.000)
Công ty Cổ phần dệt lưới Sài Gòn (SFN)	-	-	-	-	1.100	22.090.000	23.540.000	-
Công ty Cổ phần Bamboo Capital (BCG)	13.000	52.468.585	38.350.000	(14.118.585)	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽ⁱ⁾		3.601.671.090	1.933.776.000	(1.667.895.090)	365.636	4.354.156.090	2.386.968.377	(1.967.187.713)
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC (FLC)	86	586.090	301.000	(285.090)	86	586.090	301.000	(285.090)
Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông (LTC)	196.500	1.042.800.000	373.350.000	(669.450.000)	196.500	1.042.800.000	317.641.170	(725.158.830)
Tổng Công Ty chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC)	100.450	2.543.285.000	1.556.975.000	(986.310.000)	100.450	2.543.285.000	1.755.806.269	(787.478.731)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (SD4)	1.500	15.000.000	3.150.000	(11.850.000)	1.500	15.000.000	4.559.938	(10.440.062)
Cộng		34.906.260.994	39.159.994.800	(2.545.706.439)		33.830.192.894	31.016.929.377	(7.790.341.037)

Các chứng khoán kinh doanh hiện niêm yết tại các Sàn giao dịch chứng khoán (HOSE, HNX) thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(i): Các mã chứng khoán hiện đang giao dịch trên UpCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	27,98%	22.547.080.600	-	-	27,98%	22.547.080.600	-	-
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	47,16%	16.975.800.000	-	-	47,16%	16.975.800.000	-	-
Cộng		39.522.880.600	-	-		39.522.880.600	-	-

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối kỳ				Đầu năm			
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần CMC - KPI	15%	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)	15%	3.300.000.000	(3.300.000.000)	(*)
Cộng		3.300.000.000	(3.300.000.000)			3.300.000.000	(3.300.000.000)	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần T.MARTSTORES	690.030.000	634.827.600
Công ty Cổ phần Xây dựng thương mại và Vật tư Phúc Thịnh	320.000.000	-
Ông Đỗ Duy Mạnh	320.000.000	-
Ông Ngô Trọng Vinh	-	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Vận tải Việt Thắng	-	1.360.000.000
Các đối tượng khác	1.633.000.000	913.000.000
Cộng	2.963.030.000	7.907.827.600

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**4. Trả trước cho người bán**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Cơ khí 120	2.500.000.000	2.500.000.000
Arai Logistics Co., Ltd	3.142.746.950	3.366.725.110
T.H.I Corp	-	2.919.174.720
Các đối tượng khác	4.954.971.750	4.454.550.550
Cộng	10.597.718.700	13.240.450.380

5. Phải thu về cho vay

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Five Star Kim Giang ^(*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

(*) Theo Hợp đồng cho vay số 01/HĐVV-CMC-GFS/2023 ngày 10/05/2023 và các Phụ lục gia hạn thời gian cho vay kèm theo, Công ty cho Công ty TNHH Five Star Kim Giang vay. Thời hạn cho vay là 6 tháng (đến ngày 10/08/2025), lãi suất là 10%/năm.

6. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Tạm ứng	7.000.000	7.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	572.915.000	674.472.277
Phải thu lãi tiền gửi	28.493.151	27.945.205
Cộng	608.408.151	709.417.482

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7. Nợ xấu**

	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Trả trước cho người bán						
Công ty Cổ phần Cơ khí 120	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000	-

Đơn vị tính: VND

8. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	246.208.560	-
Hàng hoá	64.781.344.639	(2.073.000.000)	65.133.461.479	(2.591.920.000)
Cộng	64.781.344.639	(2.073.000.000)	65.379.670.039	(2.591.920.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản khác	67.200.000	64.145.454
Cộng	67.200.000	64.145.454
b. Dài hạn		
Các khoản khác	614.823.537	510.990.000
Cộng	614.823.537	510.990.000

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	110.919.200	13.816.094.221	13.927.013.421
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	110.919.200	13.816.094.221	13.927.013.421
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	110.919.200	6.999.356.429	7.110.275.629
Số tăng trong kỳ	-	445.291.452	445.291.452
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	445.291.452	445.291.452
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	110.919.200	7.444.647.881	7.555.567.081
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	6.816.737.792	6.816.737.792
Tại ngày cuối kỳ	-	6.371.446.340	6.371.446.340

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng là 5.021.184.331 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Đầu năm	
					Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	90.849.538.615	90.849.538.615	41.985.197.113	46.067.614.083	94.931.955.585	94.931.955.585
Vay ngân hàng	7.684.571.700	7.684.571.700	30.069.809.113	33.323.614.083	10.938.376.670	10.938.376.670
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	-	-	18.390.504.993	22.410.504.993	4.020.000.000	4.020.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội (*)	7.684.571.700	7.684.571.700	11.679.304.120	10.913.109.090	6.918.376.670	6.918.376.670
Vay đối tượng khác (**)	83.164.966.915	83.164.966.915	11.915.388.000	12.660.000.000	83.909.578.915	83.909.578.915
Bà Ngô Phương Anh	32.048.487.915	32.048.487.915	11.915.388.000	8.560.000.000	28.693.099.915	28.693.099.915
Ông Ngô Trọng Đạt	4.600.000.000	4.600.000.000	-	-	4.600.000.000	4.600.000.000
Bà Ngô Thu Hương	24.606.479.000	24.606.479.000	-	4.100.000.000	28.706.479.000	28.706.479.000
Ông Hoàng Mạnh Linh	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Bà Trần Thị Nga	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	11.370.000.000	11.370.000.000	-	-	11.370.000.000	11.370.000.000
Ông Lương Văn Vịnh	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	84.000.000	84.000.000	84.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	-	-	84.000.000	84.000.000	84.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	126.000.000	126.000.000	126.000.000
Vay ngân hàng	-	-	-	126.000.000	126.000.000	126.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	-	-	-	126.000.000	126.000.000	126.000.000
Cộng	90.849.538.615	90.849.538.615	41.985.197.113	46.193.614.083	95.057.955.585	95.057.955.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/147042/HĐTD ngày 24 tháng 4 năm 2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Hạn mức tối đa là 15 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở Tổ 39, phường Hoàng Mai, thành phố Hà Nội của bên liên quan (ông Ngô Trọng Vinh).

(**) Chi tiết các khoản vay đối tượng khác:

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay đến ngày	Lãi suất	Số tiền dư khoản vay (VND)	Mục đích vay
Ông Ngô Trọng Đạt	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 01/HĐVV ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	4.600.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			4.600.000.000	
Bà Trần Thị Nga	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 05/HĐVV ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	4.000.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			4.000.000.000	
Ông Hoàng Mạnh Linh	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 04/HĐVV ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	1.500.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			1.500.000.000	
Bà Ngô Phương Anh	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 03/HĐVV ngày 01/01/2025	31/12/2025	Không tính lãi	28.693.099.915	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 06/HĐVV ngày 20/02/2025	31/12/2025	Không tính lãi	864.239.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 08/HĐVV ngày 05/03/2025	31/12/2025	Không tính lãi	550.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 10/HĐVV ngày 21/03/2025	31/12/2025	Không tính lãi	900.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Một số hợp đồng vay khác	31/12/2025	Không tính lãi	1.041.149.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			32.048.487.915	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Bên cho vay	Hợp đồng vay	Thời hạn vay đến ngày	Lãi suất	Số tiền dư khoản vay (VND)	Mục đích vay
Bà Ngô Thu Hương	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 02/HĐVV ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	24.606.479.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			24.606.479.000	
Ông Lương Văn Vịnh	Phần còn lại của Hợp đồng vay số 01/HĐVV-CMC-LAT ngày 25/02/2025	12 tháng	Không tính lãi	40.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			40.000.000	
Công ty Cổ phần Khảo sát do đặc HCGC Hà Nội	Số 01-CMC/2018/HĐVV ngày 02/04/2018 và Phụ lục hợp đồng HCGC-CMC/2025 ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	1.270.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 02-CMC/2018/HĐVV ngày 16/04/2018 và Phụ lục hợp đồng HCGC-CMC/2025 ngày 01/01/2025	31/12/2025	6%/năm	1.000.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Một số hợp đồng vay khác	31/12/2025	6%/năm	9.100.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			11.370.000.000	
Công ty Cổ phần Viễn thông Tín hiệu Đường sắt	Số 01-STC/2023/HĐVV ngày 11/04/2023 và Phụ lục hợp đồng vay số 01-STC/2023/HĐVV-PL04	10/10/2025	5,5%/năm	3.000.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Số 0602/HĐVV-STC ngày 06/02/2024 và Phụ lục hợp đồng vay số 0602/HĐVV-STC-PL02	05/08/2025	5,5%/năm	2.000.000.000	Phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
	Cộng			5.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	3.754.600.674	3.754.600.674	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	70.663.229	70.663.229	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	288.552.593	251.180.777	304.948.123	-	234.785.247
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	51.036.029	51.036.029	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	445.756.905	445.756.905	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	288.552.593	4.577.237.614	4.631.004.960	-	234.785.247

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****13. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Chi phí khác	-	20.000.000
Cộng	-	20.000.000

14. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	69.220.783	67.317.023
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.257.183.605	1.113.390.939
+ <i>Phải trả về lãi tiền vay</i>	<i>1.115.898.488</i>	<i>978.645.822</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>141.285.117</i>	<i>134.745.117</i>
Cộng	1.326.404.388	1.180.707.962
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	180.000.000	180.000.000
Cộng	180.000.000	180.000.000

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	1.168.952.050	811.284.099
+ <i>Doanh thu từ cho thuê nhà xưởng</i>	<i>1.153.236.000</i>	<i>795.852.000</i>
+ <i>Doanh thu từ cho thuê xe ô tô (*)</i>	<i>15.716.050</i>	<i>15.432.099</i>
Cộng	1.168.952.050	811.284.099
b. Dài hạn		
Doanh thu nhận trước	204.451.852	212.167.901
+ <i>Doanh thu từ cho thuê xe ô tô (*)</i>	<i>204.451.852</i>	<i>212.167.901</i>
Cộng	204.451.852	212.167.901

(*) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn theo hợp đồng cho thuê xe số 01-2024/HĐTX ngày 04 tháng 10 năm 2024 với Công ty Cổ phần Đại Dương Solar, thời hạn cho thuê là 15 năm, giá cho thuê cho cả thời hạn thuê là 250.000.000 đồng (đã bao gồm VAT).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC
 Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.610.500.000	2.100.000	9.211.921.095	93.928.484	5.775.876.743	60.694.326.322
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	146.085.256	146.085.256
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.610.500.000	2.100.000	9.211.921.095	93.928.484	5.921.961.999	60.840.411.578
Số dư đầu năm nay	45.610.500.000	2.100.000	9.211.921.095	93.928.484	5.921.961.999	60.840.411.578
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	1.525.735.960	1.525.735.960
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	45.610.500.000	2.100.000	9.211.921.095	93.928.484	7.447.697.959	62.366.147.538

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Các cổ đông khác	45.610.500.000	100	45.610.500.000	100
Cộng	45.610.500.000	100	45.610.500.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận, chia cổ tức**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	45.610.500.000	45.610.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	45.610.500.000	45.610.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.561.050	4.561.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.561.050	4.561.050
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.561.050	4.561.050
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.561.050	4.561.050
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.561.050	4.561.050
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.211.921.095	9.211.921.095
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	93.928.484	93.928.484
Cộng	9.305.849.579	9.305.849.579

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	42.841.851.845	32.861.851.852
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.282.564.099	1.291.798.667
Cộng	44.124.415.944	34.153.650.519

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết xem tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	41.260.643.503	30.466.309.857
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	445.756.905	321.172.066
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(518.920.000)	(1.995.000.000)
Cộng	41.187.480.408	28.792.481.923

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.906.331	101.563.720
Lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	4.530.000	560.977.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.350.251.000	1.182.795.000
Cộng	1.455.687.331	1.845.335.820

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Lãi tiền vay	1.792.155.932	2.023.476.532
Phí giao dịch chứng khoán	12.127.536	12.865.786
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	3.736.557.000	64.870.000
Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	395.882.402	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(5.640.517.000)	(501.158.426)
Các khoản chi phí tài chính khác	51.036.029	28.536.752
Cộng	347.241.899	1.628.590.644

5. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Phạt trả nợ vay trước hạn	6.000.000	-
Tiền chậm nộp thuế	79.200	57.872.446
Cộng	6.079.200	57.872.446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí mua vật tư, thiết bị	130.119.158	171.829.113
Chi phí khác bằng tiền	54.648.000	48.033.755
Cộng	184.767.158	219.862.868

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	985.392.544	957.001.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.291.452	445.091.454
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.210.270	328.434.799
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	239.723.607	112.953.439
Cộng	2.077.617.873	1.847.981.545

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Chi phí nhân công	985.392.544	957.001.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	445.291.452	445.091.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	533.329.428	332.934.799
Chi phí khác	744.128.512	653.988.373
Chi phí dự phòng	(518.920.000)	-
Cộng	2.189.221.936	2.389.016.479

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.776.916.737	3.452.196.913
Các khoản điều chỉnh tăng	829.238.146	524.247.170
<i>Khấu hao TSCĐ tương ứng với phần nguyên giá lớn hơn 1,6 tỷ đồng</i>	307.584.000	307.584.000
<i>Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP</i>	515.574.946	158.790.724
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	6.079.200	57.872.446
Các khoản điều chỉnh giảm	1.350.251.000	1.182.795.000
<i>Cổ tức nhận được</i>	1.350.251.000	1.182.795.000
Thu nhập tính thuế TNDN	1.255.903.883	2.793.649.083
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	251.180.777	558.729.820
Thuế TNDN được giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	251.180.777	558.729.820
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	251.180.777	558.729.820

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.525.735.960	2.893.467.093
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.525.735.960	2.893.467.093
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.561.050	4.561.050
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	335	634
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	335	634

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Ngô Trọng Quang	Chủ tịch HĐQT Công ty
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó chủ tịch thường trực HĐQT
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Viễn thông – Tín hiệu đường sắt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Công ty có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh
Công Ty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại thành phố Hà Nội	Công ty có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty Cổ phần Sách – Thiết bị Vĩnh Long	Công ty có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông	Công ty có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh
Công ty Cổ phần Đại dương Solar	Công ty có liên quan với Ông Ngô Trọng Vinh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	Vay ngắn hạn	-	2.000.000.000
	Lãi vay ngắn hạn	45.833.333	140.972.222
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	Lãi vay ngắn hạn	338.296.439	379.407.672
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Vay ngắn hạn	-	400.000.000
	Trả nợ vay ngắn hạn	-	700.000.000
	Lãi vay ngắn hạn	-	91.721.369
Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông	Cung cấp dịch vụ	-	16.666.667
Công ty Cổ phần Đại dương Solar	Cho thuê xe (15 năm)	7.432.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng (TM V.3)	8.000.000	5.008.000.000
Công ty Cổ phần Điện nhẹ viễn thông	8.000.000	8.000.000
Ông Ngô Trọng Vinh	-	5.000.000.000
Phải trả khác (TM V.14)	1.115.898.488	978.645.822
Bà Ngô Thu Hương	1.115.898.488	978.645.822
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (TM V.11)	16.370.000.000	16.370.000.000
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tín hiệu Đường sắt	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Khảo sát đo đạc HCGC Hà Nội	11.370.000.000	11.370.000.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ:

Họ tên	Chức danh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng			
Ông Ngô Trọng Quang	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025)	40.630.909	-
Ông Ngô Trọng Vinh	Phó chủ tịch thường trực HĐQT (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2025)	6.840.000	6.840.000
Ông Nguyễn Trọng Hà	Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	49.608.000	69.266.730
Bà Lâm Quỳnh Hương	Ủy viên HĐQT	43.494.000	65.094.000
Ông Ngô Anh Phương	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	61.166.730	69.266.730
Cộng		201.739.639	210.467.460

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực buôn bán máy móc;
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực cho thuê kho bãi, nhà cửa và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực buôn bán máy móc	Lĩnh vực cho thuê kho bãi, dịch vụ khác	Cộng
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	42.841.851.845	1.282.564.099	44.124.415.944
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.841.851.845	1.282.564.099	44.124.415.944
Chi phí bộ phận	40.741.723.503	445.756.905	41.187.480.408
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.100.128.342	836.807.194	2.936.935.536
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			2.262.385.031
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			674.550.505
Doanh thu hoạt động tài chính			1.455.687.331
Chi phí tài chính			347.241.899
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			6.079.200
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			251.180.777
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.525.735.960
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	100.815.408	3.018.129	103.833.537
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	432.348.168	12.943.284	445.291.452
	Lĩnh vực buôn bán máy móc	Lĩnh vực cho thuê kho bãi, dịch vụ khác	Cộng
Số dư cuối kỳ này			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	83.878.614.937	633.778.128	84.512.393.065
- Tài sản không phân bổ			72.285.312.061
Tổng tài sản	83.878.614.937	633.778.128	156.797.705.126
- Nợ phải trả bộ phận	90.047.209.021	4.069.163.130	94.116.372.151
- Nợ phải trả không phân bổ			315.185.437
Tổng nợ phải trả	90.047.209.021	4.069.163.130	94.431.557.588

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	401.876.906	-	1.166.547.699	
Phải thu về cho vay	2.000.000.000	-	2.000.000.000	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.991.523.151	-	7.935.772.805	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34.906.260.994	(2.545.706.439)	33.830.192.894	(7.790.341.037)
Cộng	40.299.661.051	(2.545.706.439)	44.932.513.398	(7.790.341.037)
	Giá trị sổ sách			
	Cuối kỳ	Đầu năm		
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	-		
Vay và nợ	90.849.538.615	95.057.955.585		
Chi phí phải trả	-	20.000.000		
Các khoản phải trả khác	1.506.404.388	1.360.707.962		
Cộng	92.355.943.003	96.438.663.547		

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Phải trả cho người bán	-	-	-
Vay và nợ	90.849.538.615	-	90.849.538.615
Chi phí phải trả	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.326.404.388	180.000.000	1.506.404.388
Cộng	92.175.943.003	180.000.000	92.355.943.003
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	-	-	-
Vay và nợ	94.931.955.585	126.000.000	95.057.955.585
Chi phí phải trả	20.000.000	-	20.000.000
Các khoản phải trả khác	1.180.707.962	180.000.000	1.360.707.962
Cộng	96.132.663.547	306.000.000	96.438.663.547

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CMC

Ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Yên Sở, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ánh Hồng

Nguyễn Trọng Hà

Ngô Anh Phương

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025